

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/DS-ST

Ngày 11/10/2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Vũ

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 188/2019/TLST - DS ngày 09 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐXXST – DS ngày 23/9/2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đỗ Cao Hoàng S, sinh năm 1990; Nơi cư trú: ấp TA, xã TB, huyện M, tỉnh Bến Tre. Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Dương Kim H1, sinh năm 1964; Địa chỉ: D2, cư xá Phú Lâm B, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Bị đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1974; (có mặt)

Võ Thị Huyền T, sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng có nơi cư trú: ấp TT, xã TP, huyện M, tỉnh Bến Tre;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2019 của nguyên đơn cũng như quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Dương Kim H1 trình bày:

Năm 2016, giữa ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị Huyền T với bà Đỗ Cao Hoàng S có thỏa thuận về việc mua bán thức ăn chăn nuôi heo, bên bán là bà S, bên mua là ông H và bà T. Bà S sẽ cung cấp thức ăn cho ông H và bà T nuôi heo với thời gian từ 4 – 5 tháng khi heo ra chuồng thì ông bà phải trả tiền. Tuy nhiên, mỗi lần bán heo, ông bà không trả đủ tiền mà còn nợ lại. Bà S đã nhiều lần yêu cầu ông H và bà T trả nợ nhưng ông bà không trả tất nợ nên hai bên đã ngừng mua bán vào đầu năm 2019. Ngày 30/12/2017, hai bên đối chiếu công nợ và xác định được ông H, bà T còn nợ bà S 192.598.000 đồng và hai bên thỏa thuận ông H, bà T phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả này với mức lãi suất 0,7%/tháng, thời gian chịu lãi tính từ ngày 19/01/2018 đến khi tất nợ và ông H, bà T có nghĩa vụ trả tất nợ trong năm 2018. Tuy nhiên, đến tháng 4/2019, ông H và bà T vẫn không trả tất nợ và cũng không trả tiền lãi cho bà S mà còn nợ lại số tiền gốc 154.598.000 đồng. Trong đơn khởi kiện, bà Đỗ Cao Hoàng S yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Huyền T trả số tiền 154.598.000 đồng tiền nợ gốc, yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,7%/tháng đối với số tiền 154.598.000 đồng từ ngày 19/01/2018 đến khi xét xử. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông H và bà T đã trả 10.000.000 đồng nên người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý trừ số tiền 10.000.000 đồng vào nợ gốc mà ông H, bà T còn nợ. Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền xin thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Huyền T trả số tiền 144.598.000 đồng tiền nợ gốc, yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,7%/tháng đối với số tiền 144.598.000 đồng từ ngày 19/01/2018 đến khi xét xử với số tiền 20.243.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H lời trình bày: Từ năm 2016 đến đầu năm 2019, bà Đỗ Cao Hoàng S có bán thức ăn cho ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Huyền T chăn nuôi heo, hai bên thỏa thuận bà S bán thức ăn đến khi heo của ông H và bà T ra chuồng thì ông bà phải trả tất nợ thức ăn, thời gian mỗi lứa heo ra chuồng là từ 6 tháng – 7 tháng. Tuy nhiên, mỗi lần heo của ông bà ra chuồng thì ông bà không thanh toán hết mà còn nợ lại. Vào ngày 30/12/2017, ông H và bà T có tổng kết nợ với bà S và xác định còn nợ bà S 192.598.000 đồng. Ông H và bà T có hứa chịu tiền lãi của số tiền này mỗi tháng mỗi 1.000.000 đồng, ông H và bà T phải trả tiền lãi là 7.000 đồng, thời gian tính từ ngày 19/01/2018 và tiền nợ gốc thì mỗi 03 tháng ông H và bà T trả 5.000.000 đồng.

Ông H và bà T xác nhận chữ ký trong quyền sở do phía nguyên đơn giao nộp là của ông bà nhưng về phần thỏa thuận lãi mỗi 1.000.000 đồng mỗi tháng 7.000 đồng là do ông bà bị ép buộc.

Từ khi tổng kết được số nợ là 192.598.000 đồng thì ông H và bà T cũng đã nhiều lần trả nợ cho bà S, cụ thể: ngày 20/4/2018 trả 5.000.000 đồng; ngày 01/6/2018 trả 13.000.000 đồng; ngày 23/7/2018 trả 5.000.000 đồng; ngày 27/10/2018 trả 5.000.000 đồng; ngày 30/01/2019 trả 5.000.000 đồng; ngày

29/4/2019 trả 5.000.000 đồng. Do đó, đến thời điểm bà S khởi kiện, ông H và bà T còn nợ bà S 154.598.000 đồng. Tuy nhiên, vào ngày 29/7/2019 ông bà đã trả 5.000.000 đồng, ngày 31/8/2019 ông bà đã trả 5.000.000 đồng cho bà S nên ông bà chỉ nợ bà S 144.598.000 đồng nợ gốc và ông bà chỉ đồng ý liên đới trả số tiền này cho nguyên đơn, không đồng ý trả lãi.

Bà Võ Thị Huyền T thống nhất lời trình bày của ông H và bà đồng ý liên đới với ông H trả cho bà S 144.598.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành tốt về nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự 2015, buộc ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Huyền T liên đới trả cho bà Đỗ Cao Hoàng S số tiền 144.598.000 đồng và 20.243.000 đồng tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án dân sự về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Cao Hoàng S thấy rằng, việc vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Huyền T có nợ tiền thức ăn chăn nuôi của bà Đỗ Cao Hoàng S số tiền 144.598.000 đồng là có thật, ông H và bà T cũng đã thừa nhận nên các đương sự không phải chứng minh.

[2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thấy rằng, tại quyền sở do nguyên đơn cung cấp, ông H và bà T thừa nhận chữ ký và viết tên Võ Thị Huyền T, chữ ký và viết tên Nguyễn Văn H phía dưới nội dung ”từ ngày 19/1/2018 trở về sau vợ chồng a. H sẽ phụ lãi 1 triệu đồng 7.000 đồng trên số tiền 192.598.000đ. Đúng 3 tháng anh H trả 5 triệu đồng. Khi ra mỗi bảy heo vợ chồng anh H sẽ trích một phần để gởi thêm vào để trả nợ. Đúng 19 tây hàng tháng anh H sẽ đóng lãi, thời gian đóng lãi bắt đầu từ 19/1/2018 tính tiếp đến 19 tây tháng sau”. Tuy nhiên, ông H và bà T cho rằng ông bà ký và viết tên vào vì bị đe dọa, cưỡng ép, Tòa án đã yêu cầu ông bà cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nhưng ông bà vẫn không đưa ra được chứng cứ. Do đó, có đủ cơ sở xác định thỏa thuận mức lãi suất 0,7%/tháng như nguyên đơn trình bày và thể hiện tại quyền sở do nguyên đơn cung cấp là có thật. Theo khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự thì “trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”. Quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tại Điều 357 là bên có nghĩa vụ chậm trả tiền phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này. Mức lãi suất 0,7%/tháng thấp hơn mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định và thấp hơn mức lãi suất được xác định

theo Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ.

Thấy rằng ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Huyền T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thức ăn chăn nuôi mà ông bà đã giao kết với bà Đỗ Cao Hoàng S. Ông H và bà T cũng không thực hiện đúng cam kết trả lãi vào ngày 19 tây hàng tháng cũng như thời hạn trả tiền nợ gốc mỗi 03 tháng phải trả 5.000.000 đồng theo thỏa thuận của các bên là vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên buộc ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Huyền T liên đới hoàn trả cho bà Đỗ Cao Hoàng S số tiền nợ gốc 144.598.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 20.243.000 đồng từ ngày 19/01/2018 đến khi xét xử với mức lãi suất 0,7%/tháng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Do ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Huyền T là người có nghĩa vụ trả nợ nên ông bà phải liên đới chịu án phí có giá ngạch 5% đối số tiền có nghĩa vụ phải trả là 8.242.000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Cao Hoàng S.

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Huyền T liên đới trả cho bà Đỗ Cao Hoàng S số tiền 144.598.000 đồng nợ gốc và 20.243.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Huyền T liên đới nộp 8.242.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Đỗ Cao Hoàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.350.000 đồng theo biên lai thu số 0005327 ngày 09/7/2019 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKS ND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKS ND huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Chi Cục THA DS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu HS, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Lăng